



CÔNG TY CP CHẾ BIẾN & XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ



# **BẢN TỰ CÔNG BỐ**

## **NƯỚC TƯƠNG BẢO AN**

THÁNG 12/2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số 28 /PTMN/2021**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN & XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT – MŨI NÉ.

Địa chỉ: Lô 47-48 Khu chế biến Nước mắm, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: 02523. 813. 156 Fax: 02523. 710169

Email: [info@nuocmamphanthietmuine.com](mailto:info@nuocmamphanthietmuine.com)

Mã số doanh nghiệp: 3401 108 327

Số Giấy chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn theo yêu cầu của HACCP Codex Alimentarius: 6065/QĐ-QUACERT.

Ngày cấp: 12/10/2021

Nơi cấp: TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT).

**II. Thông tin về sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm: NƯỚC TƯƠNG BẢO AN**

**2. Thành phần:**

Thành phần chính ( $\geq 98\%$ ): Nước cốt tương, nước muối.

Thành phần khác ( $\leq 2\%$ ): Nước, chất điều vị (INS 627, 631), chất ổn định (INS 415), chất tạo ngọt (INS 951), chất bảo quản (INS 211), chất chống oxy hoá (INS 330), màu tổng hợp (INS 150a, 150c), hương nước tương.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- 12 tháng , kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) được ghi trên nắp chai, nhãn hoặc trên chai và được ghi trên thùng giấy carton.

**4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

4.1 -Chất liệu bao bì: Bao bì chứa đựng trực tiếp nước tương là:

a) Các chai nhựa PET, thể tích: 500 ml, 750 ml, 900 ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít.

b) Can nhựa, thể tích 20 lít, 30 lít

4.2 -Quy cách đóng gói:

- Các chai được đựng trong thùng carton:

02 chai x 500 ml

02 chai x 750 ml

02 chai x 900 ml

24 chai x 500 ml



15 chai x 750 ml

12 chai x 900 ml

12 chai x 1 lít

06 chai x 2 lít

04 chai x 5 lít

- Quy cách đóng gói can nhựa:

01 can x 20 lít

01 can x 30 lít

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

Xuất xứ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM  
PHAN THIẾT – MŨI NÉ

Địa chỉ: Lô 47-48 KCB NƯỚC MẮM PHƯỜNG PHÚ HẢI, THÀNH PHỐ  
PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm**



210mm

15mm

15mm



Nước tương Bảo An được chế biến từ nước cốt  
lương đậu nành và sản xuất trên dây chuyền tiên  
tiên đạt chuẩn HACCP (ISO 22000, 2018) đã tạo  
nên dòng sản phẩm thơm ngon, đậm đà hương vị  
truyền thống.

Sản phẩm của:

**CÔNG TY TNHH SƠN ĐẠI MINH VIỆN**

Địa chỉ: 442/89 Quốc lộ 1A, Phường An Phú  
Đông, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Hotline: 0368 512 991

Sản xuất và đóng chai tại:

Công ty CP Chế biến và Xuất khẩu nước mắm  
Phan Thiết - Mũi Né

Địa chỉ: Lô 47-48 Khu chế biến nước mắm P. Phú  
Hải TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Số tư công bố: 28/PTMN/2021  
Thành phần cấu tạo:

-Thành phần chính (> 98%): Nước cốt tương,  
nước muối,

-Thành phần khác (< 2%): Nước, chất điều vị  
(INS 627, 631), chất ổn định (INS 415), chất tạo  
ngọt (INS 951), chất bảo quản (INS 211), chất  
chống oxy hóa (INS 330), màu tổng hợp (INS  
150a, 150c), hương nước tương.

**Hướng dẫn sử dụng:**

Dùng để chấm hoặc làm gia vị chế biến các món  
ăn. Chay, mặn đều dùng được.

**Hướng dẫn bảo quản:**

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh  
nắng trực tiếp. Đây kín nắp ngay sau khi sử dụng.  
Sản phẩm có nguồn gốc tự thực vật.

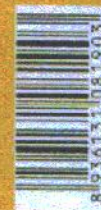
**Thông tin cảnh báo:**


Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng.  
Không sử dụng đối với người có khả năng miễn  
cảm với các thành phần của sản phẩm.

NSX: Xem trên bao bì sản phẩm  
HSD: 12 tháng, kể từ ngày sản xuất.



Thể tích thực: 500 ml



		Tên SP	<b>Nhãn Nước Tương Bảo An 500ml PET Tròn</b>			Khách hàng duyệt
		KT	210 x 88 mm			
Dạng	Couche 100, in offset 5 màu, in 1 màu vàng đồng cán bóng, cắt thành phẩm					<input type="checkbox"/> Lam mới <input checked="" type="checkbox"/> Tái bản
VL in	Giấy Couche 100		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Số màu(4)	<input type="checkbox"/> Đen	<input type="checkbox"/> Xanh	<input type="checkbox"/> Đỏ	<input type="checkbox"/> Vàng	<input type="checkbox"/>	14.12.2021
Ngày						

n in màu  
ng đồng



#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty sản xuất thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

##### 1. Các chỉ tiêu cảm quan: Theo TCVN 1763:2008

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Màu sắc	Đặc trưng của sản phẩm
2	Độ trong	Trong, không vẩn đục, không lắng cặn.
3	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của nước tương, không có mùi lạ, mùi mốc.
4	Vị	Ngọt của đậm, không có vị lạ, vị đắng, nồng
5	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không có

##### 2. Các chỉ tiêu chất lượng: Theo tiêu chuẩn cơ sở

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng muối NaCl trong khoảng	g/100ml	8-16
2	Hàm lượng ni tơ ni tơ tổng số, không nhỏ hơn	g/100ml	0.4
3	Hàm lượng chất rắn hoà tan không kể muối, không nhỏ hơn	g/ 100ml	8
4	Độ Axit (tính theo Acetic)	g/ 100ml	0.8 – 1.6

##### 3. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng chì	mg/L	≤ 2.0
2	Hàm lượng arsen vô cơ	mg/L	≤ 1.0
3	Hàm lượng cadimi	mg/L	≤ 1.0
4	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	≤ 0.05

4. Các chỉ tiêu vi sinh: Theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/mL	$\leq 10^4$
2	Coliforms	CFU/mL	$\leq 10^2$
3	Clostridium perfringens	CFU/mL	$\leq 10$
4	Echerichia Coli	MPN/mL	KPH
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	$\leq 3$
6	Tổng số bào tử nấm men - mốc	CFU/mL	$\leq 10$
7	Salmonella	PH/25ml	KPH
8	3-MCPD	mg/kg	$\leq 1$
9	Aflatoxin tổng	$\mu\text{g/L}$	KPH
10	Aflatoxin (B1)	$\mu\text{g/L}$	KPH

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố. *ml*

Tp Phan Thiết, ngày 29 tháng 12 năm 2021

**TỔNG GIÁM ĐỐC** *ml*



**Lê Thị Mỹ**





VILAS 266

VIMCERTS 129

Head Office: 04 Nguyễn Hồi Street, Phan Thiết City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822390 Fax: 0252.3822390 Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 21093201

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 09/09/2021

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU NƯỚC MẮM PHAN THIẾT - MŨI NÉ**

Địa chỉ/ Address: **LÔ 47-48 KHU CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM, PHƯỜNG PHÚ HẢI, THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN**

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: **01/09/2021**

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: **09/09/2021**

Tên mẫu/ Sample name: **NUỐC TƯƠNG**

Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu đựng trong chai nhựa** Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	Rắn hòa tan không kê muối	g/100ml	8,8	TCVN 1764:2008
02	Acid ( tính theo Acetic )	g/100ml	1,25	TCVN 1764:2008
03	Nitơ tổng	g/100ml	0,45	TCVN 3705:1990 (*)
04	Natri clorua (NaCl)	g/100ml	14,50	TCVN 1764:2008
05	Protein thô	g/100ml	2,80	TCVN 3705:1990 (*)
06	Năng lượng	Kj/100ml Kcal/100ml	52,23 12,48	Ref.TCVN 8762:2011
07	Carbonhydrate	g/100ml	0,76	Ref.AOAC 996.06
08	Arsen (As)	mg/L	KPH (LOD=0,01)	AOAC 986.15
09	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	TCVN 7604:2007
10	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0,02)	AOAC 986.15
11	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0,05)	AOAC 986.15
12	Clostridium perfringens	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4991:2005 (*)
13	Coliform tổng	CFU/ml	< 1,0	TCVN 6848:2007 (*)
14	Định lượng tổng số bào nấm men, nấm mốc	CFU/ml	< 1,0	TCVN 8275-1: 2010 (*)
15	Escherichia coli	MPN/ml	0	TCVN 6846:2007 (*)
16	Salmonella	PH/25ml	KPH	TCVN 10780-1:2017 (*)



STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
17	Staphylococcus aureus	CFU/ml	< 1,0	TCVN 4830-1:2005 (*)
18	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	2,0 x 10 <sup>2</sup>	TCVN 4884-2:2015(*)
19	Aflatoxin (B1)	µg/Kg	KPH (LOD=3,0)	TĐCBTh.SK.006/2019 (LC/MS/MS)
20	Aflatoxin tổng	µg/Kg	KPH (LOD=3,0)	TĐCBTh.SK.006/2019 (LC/MS/MS)
21	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH (LOD=3,0)	TĐCBTh.SK.006/2019 (LC/MS/MS)
22	Cảm quan		Màu sắc: Đặc trưng của sản phẩm. Trạng thái: Trơng, không bị vẩn đục, không lắng cặn. Mùi: Thơm đặc trưng của nước tương, không có mùi lạ, mùi mốc. Vị: Ngọt của đậm, không có vị lạ, vị đắng, nồng. Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường : Không có.	TCVN 3215:1979
23	Lipid	g/100ml	KPH (LOD=0,10)	Ref.TCVN 4331:2001

TRƯỞNG PHÒNG  
Head of laboratory

*Quah*

Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC  
Director



Ngô Minh Toàn

CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Số Chứng Thực..... Quyển số: 01SCT/BS

Ngày..... 24/12/2021.....

CHỦ TỊCH UBND P. BÌNH HƯNG



Hoàng Chi Thủy Liễu

**Ghi chú/Remark:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation). Hết thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/When sample storing period expire, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for anything of complain.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS.
- (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
7. LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.